

Số: 03/2022/QĐST-VDS

Tiên Du, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Xuân Phong

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quế - Thư ký TAND huyện Tiên Du

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-VDS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 05/2022/QĐ- VDS ngày 18/4/2022.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Vũ N, sinh năm 1976. Có mặt

Chị Trần Thị S, sinh năm 1980. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Tiên Du, Bắc N;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Du;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh H – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, huyện Tiên Du. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện Tiên Du. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG

Tại đơn yêu cầu, biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Vũ N, chị Trần Thị S trình bày: Anh chị kết hôn vào ngày 13/3/1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tiên Du tự nguyện. Tại thời điểm kết hôn ngày 13/3/1997 anh N ngày 27/10/1976 anh N đã đủ tuổi kết hôn (21 tuổi) theo quy định của pháp luật. Đối với chị S do hiểu biết pháp luật hạn chế nên chị không biết chị chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi chị Trần Thị S, sinh ngày 02/04/1979 là không đúng năm sinh thực tế của chị. Chị S xác nhận chị sinh ngày 04/6/1980 và được thể hiện trong sổ hộ khẩu, Căn cước công

dân, giấy khai sinh của chị. Tại thời điểm kết hôn chị mới 16 tuổi 08 tháng 21 ngày (chưa đủ 17 tuổi) chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, chị và anh N cùng thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận chị và anh N là vợ chồng tại thời điểm chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp anh N và chị S đều thừa nhận việc kết hôn khi chị S chưa đủ tuổi là vi phạm pháp luật và cùng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị S tại thời điểm chị S đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đại diện UBND xã H trình bày: Căn cứ Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã H, huyện Tiên Du năm 1997 thể hiện anh Nguyễn Vũ N kết hôn với chị Trần Thị S ngày 13/3/1997. Tại sổ đăng ký kết hôn thể hiện anh N sinh ngày 27/10/1976 và chị S sinh ngày 02/4/1979. Theo hồ sơ thông tin chị S và anh N cung cấp thì tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 13/3/1997 chị S (chưa đủ 17 tuổi) chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết “Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng”, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho anh N và chị S. Đại diện UBND xã H đề nghị giải quyết vắng mặt tại các hoạt động tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng giải quyết việc dân sự, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68,70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Khoản 6, Điều 3, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, Điều 2,3,4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Điều 29, 35, 39, 362, 365 và Điều 366, Điều 367, Điều 370 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016: Đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S; công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S từ thời điểm từ ngày 04/6/1998.

Kiến nghị phòng ngừa, tuyên truyền phổ biến về việc tuân thủ đúng quy định về điều kiện đăng ký kết hôn.

Anh N, chị S không phải chịu lệ phí sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/1997 của

UBND xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc N. Anh N và chị S có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị S. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b, khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc anh N và chị S yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du;

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. UBND xã H, huyện Tiên Du là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Theo chị S trình bày tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị đã khai sinh năm 1979 để được xác nhận tình trạng hôn nhân và kết hôn với anh N. Theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân của chị Trần Thị S thể hiện chị S sinh ngày 04/6/1980. Mặt khác, theo Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã H thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 1997 chị S và anh N kết hôn ngày 13/3/1997 và chị Trần Thị S sinh năm 1979 chứ không phải năm 1980. Ngoài ra, quá trình giải quyết UBND xã H xác nhận chị Trần Thị S sinh năm 1980 và chị Trần Thị S sinh năm 1979 là cùng một người. Như vậy, tại thời điểm năm 1997 khi đăng ký kết hôn chị Trần Thị S chưa đủ 17 tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986: *“Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”*.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S. Tuy nhiên, tại phiên họp anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S đều có yêu cầu được công nhận quan hệ hôn nhân tại thời điểm chị S đủ điều kiện kết hôn.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S thấy: Anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S hiện đang sống chung hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và anh N và chị S đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh N và chị S. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này”* và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S từ ngày 04/6/1998 khi chị Trần Thị S đủ tuổi đăng ký kết hôn.

[3] Về lệ phí: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 370, Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5,9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/1997 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc N cấp”.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S kể từ ngày 04/6/1998.

Anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Vũ N và chị Trần Thị S không phải chịu lệ phí sơ thẩm;

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Xuân Phong